TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01/4/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Cai Thành Minh.

+ Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trường Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ái N - sinh năm: 1991
  Trú tại: thôn M, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Bùi Thanh H - sinh năm: 1988
  Trú tại: thôn V, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

(Chị N có mặt, anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Phan Thị Ái N trình bày:*

Chị với anh Bùi Thanh H tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P ngày 10/7/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc. Đến đầu năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tính cách vợ chồng không hợp nhau. Khoảng tháng 10/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng nên vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Thanh H.

Chị với anh Bùi Thanh H có 01 người con chung tên là Bùi Tuấn H, sinh ngày: 25/5/2016. Hiện tại sức khỏe cháu H phát triển bình thường và đang ở với chị. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì khi ly hôn chị xin nhận nuôi cháu H. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Bùi Thanh H trình bày:*

Anh với chị Phan Thị Ái N tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P ngày 10/7/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ vợ chồng đã tự hàn gắn. Khoảng tháng 10/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng nên chị N bỏ đi về phía gia đình chị N sinh sống, vợ chồng không sống chung từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Anh nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng nhưng anh vẫn còn thương chị N, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn chị N.

Anh với chị Phan Thị Ái N có 01 người con chung tên là Bùi Tuấn H, sinh ngày: 25/5/2016. Hiện tại sức khỏe cháu H phát triển bình thường và đang ở với chị N. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh chấp nhận giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh cháu H, giấy chứng minh nhân dân chị N, anh H, bản sao sổ hộ khẩu.
- Chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai chị N, anh H, biên bản xác minh tại Hội phụ nữ xã C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Phan Thị Ái N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Thanh H. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị N được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn anh Bùi Thanh H tuy có đến Tòa án để trình bày lời khai nhưng sau đó Tòa án đã thông báo để anh H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Chị Phan Thị Ái N với anh Bùi Thanh H tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P ngày 10/7/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh H được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn chị Phan Thị Ái N trình bày:

Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc. Đến đầu năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tính cách vợ chồng không hợp nhau. Khoảng tháng 10/2021 mâu thuẫn nghiêm trọng nên chị dẫn con bỏ đi về phía gia đình của chị ở huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Thanh H.

[2.3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Ái N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra chị Phan Thị Ái N với anh Bùi Thanh H phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, phải cùng có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khoảng tháng 10/2021 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nhưng các bên không thể hàn gắn tình cảm để chung sống hạnh phúc. Đối với bị đơn anh Bùi Thanh H thừa nhận vợ chồng đã mâu thuẫn nghiêm trọng nhưng anh vẫn còn thương chị N nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, sau đó nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt, điều này cho thấy anh H bỏ mặc, không cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Thanh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2.4]. Về con chung:

Chị Phan Thị Ái N với anh Bùi Thanh H có 01 người con chung tên là Bùi Tuấn H, sinh ngày: 25/5/2016. Hiện tại sức khỏe cháu H phát triển bình thường và đang ở với chị N. Khi ly hôn chị N xin nhận nuôi cháu H, anh H thống nhất giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống cháu H, Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Tuấn H, sinh ngày: 25/5/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, chị Phan Thị Ái N phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của chị N kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Bùi Thanh H vắng mặt nên chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật. Đồng thời, ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ái N về việc yêu cầu ly hôn anh Bùi Thanh H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Ái N được ly hôn anh Bùi Thanh H.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phan Thị Ái N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Tuấn H, sinh ngày: 25/5/2016. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí DSST:

+ Án phí ly hôn: Chị Phan Thị Ái N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn. Tuy nhiên, chị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 00..... ngày ..... tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, nay được khấu trừ.

3. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định;*
- *VKSND huyện P (02b);*
- *Chi cục THA DS huyện P;*
- *UBND xã C, H. P;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Nguyễn Đức Minh